| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HÒA**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 145/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Cao Thiên Trang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Ông La Văn Việt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Minh H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2009, đến năm 2015 thì ly hôn. Sau đó hai bên đăng ký kết hôn lại vào ngày 05/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông H chung sống với người phụ nữ khác và có con riêng. Bà và ông H đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay

bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn nên yêu cầu ly hôn với ông H.

*Về con chung:* Bà và ông H có một con chung tên Nguyễn Gia Vỹ, sinh ngày 09/12/2009. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà xác định giữa bà và ông H không có nợ chung.

*Tại biên bản hòa giải ngày 15/5/2020, bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Ông thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do ông không ở nhà thường xuyên do tính chất công việc. Còn việc bà T cho rằng ông chung sống với người phụ nữ khác và có con riêng là hoàn toàn không có. Trước yêu cầu ly hôn của bà T, ông không đồng ý.

*Về nuôi con chung*: Ông và bà T có một con chung như lời bà T trình bày. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, ông đống ý để bà T được nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng có tài sản chung là hai căn nhà, nếu có yêu cầu giải quyết thì ông sẽ nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Ông xác định giữa ông và bà T không có nợ chung.

Cháu Nguyễn Gia Vĩ có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn nhưng ông H không đồng ý. Xét thấy, từ khi bà T, ông H ly thân nhau đến nay,

ông H không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Bà T và ông H thống nhất có một con chung tên Nguyễn Gia Vỹ, sinh ngày 09/12/2009. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của cháu Vĩ là muốn sống với mẹ nên căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Vĩ cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phần cấp dưỡng nuôi con:* Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung:* Bà T trình bày quá trình chung sống giữa bà và ông H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H cho rằng vợ chồng có tài sản chung là hai căn nhà, tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay ông H không nộp đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về nợ chung:* Bà T và ông H thống nhất xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc *"Ly hôn"* với ông Nguyễn Minh H.

*1. Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

*2. Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Minh H có một con chung tên Nguyễn Gia Vỹ, sinh ngày 09/12/2009. Khi ly hôn, bà T được nuôi cháu Vỹ, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*3. Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004790 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị Mỹ T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- THADS huyện Đức Hòa.
- Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Thiên Trang**